TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Hoàng Minh
  Ông Ngô Văn Khon
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1993.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, chị Hồ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Chí T1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 28/05/2021 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng cuộc sống dần về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm và hiện anh chị đã ly thân từ tháng

01 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm đã không còn nên chị T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 21/10/2016, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Chí T1 là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được ý kiến của anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Chí T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Chí T1 hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 và yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2) Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp xác định chị T và anh T1 kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mậu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Từ khi chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau, cháu Nguyễn Chí Đ được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Chị T cũng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu Đ nên Hội đồng xét xử cần thấy nên giữ nguyên người nuôi dưỡng cháu là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phi: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc T cho chị Hồ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 21/10/2016 cho chị Hồ Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Chí T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Hồ Thị Ngọc T không yêu cầu. Anh Nguyễn Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phi: Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia định sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phi số 0001488 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Chí T1 không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN T**

Ngô Văn Khon – Phạm Văn Liệt **Nguyễn Văn Cương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**